

Số: 451/QĐ-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 05 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá
Gói thầu: Mua sắm các Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/02/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 17/01/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-CPNT2 ngày 26/04/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-CPNT2 ngày 03/07/2023 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm các Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 587/TTr-CPNT2 ngày 04/07/2023 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm các Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm các Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng TM-TTĐ, KTSX, các phòng chức năng của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.



Handwritten scribble or mark.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KTSX, P.TCKT;
- Lưu VT, P.TM-TTĐ.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm các Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

- Tên gói thầu** : Mua sắm các Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất.
- Phát hành ngày** : 05/7/2023
- Ban hành kèm theo Quyết định** : 451 /QĐ - CPNT2 Ngày 05/7/2023

Bên mời thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu Mua sắm cục Module Analog Input để xử lý bất thường đột xuất phục vụ sản xuất. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện hợp đồng

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực thực hiện hợp đồng khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc Đại lý được ủy quyền tại Việt Nam hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với các mục hàng hóa	<i>Thỏa mãn yêu cầu này</i>	<i>Không thỏa mãn yêu cầu này</i>
2	Có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự về dịch vụ mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (hoàn thành \geq	<i>Thỏa mãn yêu cầu này</i>	<i>Không thỏa mãn yêu cầu này</i>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	80% gói thầu) trong vòng 03 năm trở lại đây (tính đến thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị \geq 350 triệu đồng.		

Chú thích:

- *Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:*
- *Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;*
- *Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét;*
- *Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.*

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực thực hiện hợp đồng được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi công việc	<i>Theo đúng yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG</i>	<i>Không đúng yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG</i>
2	Có cam kết ngày sản xuất hàng hóa cung cấp sau ngày 01/06/2022	<i>Thỏa mãn yêu cầu này</i>	<i>Không thỏa mãn yêu cầu này</i>
3	Có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: \geq 01 năm kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa	<i>Thỏa mãn yêu cầu này</i>	<i>Không thỏa mãn yêu cầu này</i>
4	Có cam kết giao hàng tại Kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;	<i>Thỏa mãn yêu cầu này</i>	<i>Không thỏa mãn yêu cầu này</i>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Địa chỉ: Ấp 3 xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai hoặc đúng địa điểm yêu cầu của PVPower NT2		

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi

phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng;
- 2) Biểu giá dự thầu của hàng hóa theo Mẫu số 03 Chương II;
- 3) Biểu kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu số 04 Chương II;
- 4) Bản sao y chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;
- 5) Bản sao y hợp đồng tương tự và các tài liệu liên quan;
- 6) Các chứng từ khác theo yêu cầu Bản Báo giá.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận BBG.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai không được muộn hơn 16h00 ngày 10/07/2023. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<http://pvpnt2.vn>) của Công ty.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Mục 13. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc tiền bằng hình thức chuyển khoản (Số tài khoản: 006704070001112 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng hòa, người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) với nội dung và yêu cầu như quy định tại YCBG hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận, với tỷ lệ 3% giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT, hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng hiệu lực

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu		Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện	Cách thực hiện	X	
2	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			X
3	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X
4	Mẫu số 04: Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
5	Đơn chào hàng			X

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp và tiến độ thực hiện gói thầu. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

Tiến độ thực hiện gói thầu		30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng				
Phạm vi cung cấp						
STT	Danh mục hàng hóa	NSX/Tương đương	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Mô tả hàng hóa (1)	Chứng từ
1	Module Analog Input	Siemens	15	pcs	6ES7331-7NF10-0AB0	CO,CQ

Ghi chú:

- (1) Bên mời thầu chỉ mô tả các đặc điểm chung, cơ bản nhất tại mục này;
- (2) Tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
- (3) -CO là Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;
 -CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa.

Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa và dịch vụ cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp tại Mục 1 Chương này.

Với các hàng hóa chào nhà sản xuất tương đương yêu cầu cung cấp tài liệu kỹ thuật, bản vẽ và các tài liệu liên quan để chứng minh tính tương đương loại hàng hóa chào.

Kiểm tra và thử nghiệm

- ✓ Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do Bên A thông báo trước và được Bên B thống nhất chấp thuận.
- ✓ Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều

chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

- ✓ Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Bên B không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này chi phí do Bên B chịu.
- ✓ Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại kho của bên mời thầu; Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 - xã Phước Khánh – huyện Nhơn Trạch – tỉnh Đồng Nai.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
1 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(nhà thầu đề xuất)

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Xuất xứ, ký mã hiệu, model, nhãn mác của sản phẩm	NSX/Tương đương	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3 x 7)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Module Analog Input	15	pcs				<i>M1</i>
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(M)

Ghi chú:

Các cột (5), (6), (7), (8) nhà thầu chào.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Chương I – yêu cầu nộp báo giá.		
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>	
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó.

Ghi chú:

Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

¹ Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện cung cấp vật tư theo yêu cầu cụ thể như Phụ lục 1 – Biểu giá và phạm vi cung cấp (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. BBG và các văn bản làm rõ YCBG của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. YCBG và các tài liệu sửa đổi, làm rõ YCBG (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Cung cấp cho Bên B các tài liệu của NMD Nhon Trạch 2 liên quan tới việc thực hiện hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Bên B;
- Phối hợp với Bên B xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Bên B triển khai thực hiện các công việc phù hợp với các quy định của hợp đồng;
- Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa theo đề nghị của Bên B;
- Cam kết thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện các công việc theo đúng quy định của hợp đồng;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và chịu sự giám sát của Bên A trong quá trình thực hiện công việc;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các Điều khoản đã ghi trong hợp đồng;
- Cung cấp cho Bên A mọi thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Bên A.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của Bên B gồm:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;

- Bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;
- Một (01) Bản gốc Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc tiền bằng hình thức chuyển khoản (Số tài khoản: 006704070001112 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng hòa, người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) với nội dung và yêu cầu như quy định tại YCBG hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận, với tỷ lệ 3% giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT, hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng hiệu lực;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT;
- Bản gốc Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
- Bản gốc/Bản điện tử (kèm theo đường link hoặc mã QR để kiểm tra) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà sản xuất Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu trực tiếp tờ khai hải quan nhập khẩu;
- Một (01) Bản sao y công chứng/bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Nhà thầu hợp đồng giữa Nhà thầu với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp.

c) Số lần thanh toán: 01 lần.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 8. Giao hàng và nghiệm thu

8.1 Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A theo tiến độ quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

8.2 Thủ tục giao hàng:

- 8 Thông báo giao hàng: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản cho Bên A trước 03 ngày để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu.
- 9 Biên bản bàn giao: Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng.
- 10 Một (01) Bản copy Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- 11 Một (01) Bản copy Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- 12 Một (01) Bản copy có xác nhận của Bên B tờ khai hải quan nhập khẩu đối với phần hàng hóa bên B nhập khẩu trực tiếp;
- 13 Hợp đồng giữa bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa bên B không trực tiếp nhập;
- 14 Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).

8.3 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

8.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí giao hàng, nâng hạ do Bên B chịu.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
 - b) Bên B bị phá sản, giải thể;
 - c) Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai Bên hoàn thành trách nhiệm và tiến hành thanh lý, quyết toán hợp đồng theo quy định của hợp đồng
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 02 trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.